

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	7 - 10
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 05 tháng 01 năm 2007 và sau đó đăng ký thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 2	4903000321	18/06/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 3	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 4	4903000321	02/01/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 5	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 6	4903000321	19/08/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 7	3500101812	02/07/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 8	3500101812	03/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 9	3500101812	28/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 10	3500101812	19/07/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11	3500101812	26/09/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 12	3500101812	19/01/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu đến lần đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 vào ngày 28 tháng 8 năm 2009 là 200.000.000.000 đồng. Kể từ lần đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 10 đến nay, Vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay của Công ty như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12
Cộng	186.445.000.000	100,00

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại : 064.3856445 Fax : 064.3856444

Website : <http://www.vungtautourist.com.vn>

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng; Kinh doanh phòng hát karaoke, massage, vũ trường; Dịch vụ du lịch lữ hành; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy; Vận tải hành khách du lịch đường bộ; Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình; Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác;...

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chi nhánh Công ty

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

► **Khu Du lịch Biển Đông**

Địa chỉ: Số 08 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

► **Khách sạn Sammy Đà Lạt**

Địa chỉ: Số 01 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng

► **Khách sạn Thùy Vân**

Địa chỉ: Số 115 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

► **Khách sạn Vũng Tàu - Sammy**

Địa chỉ: Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

► **Khu Du lịch Mũi Nghinh Phong**

Địa chỉ: Số 01 Hạ Long, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 40).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch	18/05/2012	
Ông Đoàn Minh Cương	Phó Chủ tịch	23/05/2013	
Ông Nguyễn Quốc Trị	Phó Chủ tịch	18/05/2012	23/05/2013
Ông Nguyễn Quốc Trị	Thành viên	23/05/2013	25/10/2013
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012	
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012	
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên	06/12/2012	23/05/2013
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên	25/10/2013	
Ban kiểm soát			
Ông Lê Tấn Dũng	Trưởng ban	20/05/2011	
Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Thành viên	20/05/2011	
Bà Dương Hồng Ánh	Thành viên	23/05/2013	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Thành viên	20/05/2011	23/05/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Trần Tuấn Việt	Tổng Giám đốc	22/06/2012	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Phó Tổng Giám đốc	22/06/2012	
Ông Nguyễn Niệm	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2013	
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Kế toán trưởng	01/07/2012	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Tuấn Việt

Tổng Giám đốc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2014



www.kiemtoan.net.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Trụ sở chính : 39/3L Phạm Văn Chiêu, P. 8, Quận Gò Vấp, TP. HCM.
Văn Phòng Giao Dịch : 2/23 Quách Văn Tuấn, K300 Cộng Hòa, P. 12, Q. Tân Bình.
Chi nhánh Nha Trang : 07 Vân Đồn - Phường Phước Hòa - Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Vũng Tàu : 169 Trương Công Định - TP. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

FAC AUDITING CO., LTD

Tel : (08) 3 948 3100 Fax : (08) 3 948 3100
Tel : (0-58) 3 872 355 Fax : (0-58) 3 872 344
Tel : (0-64) 2 210 287 Fax : (0-64) 6 253 070

Số : 054/2014/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2014, từ trang 7 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số IV.26 và Thuyết minh VI.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính, việc Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót của các năm trước đã làm giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 số tiền 28.427.056.178 VND (từ lãi lũy kế 7.980.835.050 VND thành lỗ lũy kế 20.446.221.128 VND). Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Bảng cân đối kế toán đã bao gồm cổ tức đã phân phối cho cổ đông, trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng phúc lợi hàng năm theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Thịnh - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0473-2013-099-1
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Minh Trí - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0982-2013-099-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.886.029.743	35.151.216.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	3.843.897.801	6.659.811.695
1. Tiền	111		3.843.897.801	6.659.811.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV. 2	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV. 2	18.821.032.777	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	IV. 2	(18.821.032.777)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.890.980.837	22.803.831.296
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 3	17.364.189.398	18.933.666.862
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 4	2.390.486.776	6.189.517.067
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 5	13.717.318.478	7.227.583.622
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 6	(12.581.013.815)	(9.546.936.255)
IV. Hàng tồn kho	140		1.603.997.181	1.674.668.020
1. Hàng tồn kho	141	IV. 7	1.603.997.181	1.674.668.020
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.547.153.924	4.012.905.345
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.552.590	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV. 8	1.631.690.500	766.263.767
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 9	2.869.910.834	3.246.641.578

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.486.847.512	195.306.073.724
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		72.753.563.057	69.338.111.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 10	70.683.357.148	68.638.402.880
<i>Nguyên giá</i>	222		114.722.131.395	108.603.360.853
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.038.774.247)	(39.964.957.973)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 11	2.070.205.909	699.708.772
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		106.621.184.218	99.483.108.501
1. Đầu tư vào công ty con	251	IV. 12	41.800.000.000	28.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV. 13	5.191.600.000	21.629.070.493
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 14	63.396.142.157	71.702.148.463
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	IV. 15	(3.766.557.939)	(22.648.110.455)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.112.100.237	26.484.853.571
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 16	18.112.100.237	26.484.853.571
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		228.372.877.255	230.457.290.080

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

207 Võ Thị Sáu, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

		Mẫu B 01-DN		
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		60.876.190.187	55.142.051.583
I. Nợ ngắn hạn	310		27.551.745.396	27.181.061.890
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV. 17	4.794.725.163	110.000.000
2. Phải trả người bán	312	IV. 18	2.775.772.294	7.883.908.134
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 19	266.412.415	1.685.645.464
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 20	5.287.909.642	3.545.652.332
5. Phải trả người lao động	315		23.849.153	23.849.153
6. Chi phí phải trả	316	IV. 21	419.277.455	398.659.973
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 22	12.260.559.555	12.587.901.457
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	30.030.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 23	1.723.239.719	915.415.377
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		33.324.444.791	27.960.989.693
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	IV. 24	15.298.997.152	13.908.647.080
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV. 25	18.025.447.639	14.052.342.613
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		167.496.687.068	175.315.238.497
I. Vốn chủ sở hữu	410		167.496.687.068	175.315.238.497
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 26	186.445.000.000	186.445.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	IV. 26	9.466.424.393	7.928.944.318
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	IV. 26	1.771.885.326	1.387.515.307
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 26	(30.186.622.651)	(20.446.221.128)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		228.372.877.255	230.457.290.080

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		3.558,36	65.792,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	90.923.272.759	139.383.514.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	43.321.680	300.433.093
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	90.879.951.079	139.083.081.741
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	46.385.700.033	82.172.821.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.494.251.046	56.910.260.106
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.685.676.718	6.671.141.539
7. Chi phí tài chính	22	V. 4	850.463.652	255.285.525
Trong đó: chi phí lãi vay	23		908.920.190	686.930.893
8. Chi phí bán hàng	24	V. 5	20.123.551.030	25.831.335.490
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 6	34.259.989.480	35.883.366.060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.054.076.398)	1.611.414.570
11. Thu nhập khác	31	V. 7	8.103.462.791	2.511.318.959
12. Chi phí khác	32	V. 8	4.900.702.766	1.673.509.709
13. Lợi nhuận khác	40		3.202.760.025	837.809.250
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.851.316.373)	2.449.223.820
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 9	-	95.633.533
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.851.316.373)	2.353.590.287
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 10	(99,30)	126,24

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập

Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc

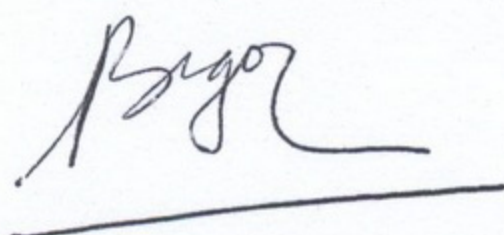
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

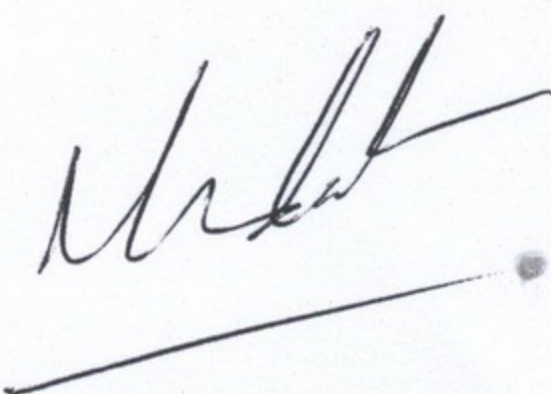
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.851.316.373)	2.449.223.820
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 10	6.319.381.731	6.260.740.201
- Các khoản dự phòng	03		2.973.557.821	6.492.292.425
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.318.740.310)	(7.021.177.275)
- Chi phí lãi vay	06		908.920.190	686.930.893
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.031.803.059	8.868.010.064
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.280.640.043)	5.609.207.319
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		70.670.839	8.004.814.075
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.263.052.430)	(7.726.317.093)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.934.525.953	(4.433.192.016)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(908.920.190)	(686.930.893)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(851.223.018)	(1.199.678.647)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		854.345.053	322.248.888
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.639.331.514)	(208.780.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.051.822.291)	8.549.381.697
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.950.678.482)	(4.652.121.340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V. 7	116.610.512	1.276.645.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.050.000.000)	(15.030.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.900.000.000	19.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.133.573.928	5.749.892.371
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.850.494.042)	3.344.416.485

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	IV. 17, 24	14.101.247.148	350.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	IV. 17, 24	(5.443.416.959)	(12.563.880.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(571.427.750)	(1.523.167.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.086.402.439	(13.737.047.006)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.815.913.894)	(1.843.248.824)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	6.659.811.695	8.503.060.519
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	3.843.897.801	6.659.811.695

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập



Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc

5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Du lịch Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5078/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 05 tháng 01 năm 2007 và sau đó đăng ký thay đổi như sau:

<u>Thay đổi đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày cấp</u>
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 2	4903000321	18/06/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 3	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 4	4903000321	02/01/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 5	4903000321	
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 6	4903000321	19/08/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 7	3500101812	02/07/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 8	3500101812	03/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, thay đổi lần thứ 9	3500101812	28/08/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 10	3500101812	19/07/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 11	3500101812	26/09/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 12	3500101812	19/01/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu đến lần đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 vào ngày 28 tháng 8 năm 2009 là 200.000.000.000 đồng. Kể từ lần đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 10 đến nay, Vốn điều lệ của Công ty là 186.445.000.000 đồng. Cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện nay của Công ty như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	109.784.000.000	58,88
Các cổ đông khác	76.661.000.000	41,12
Cộng	186.445.000.000	100,00

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; Kinh doanh khu du lịch, bãi tắm, bãi biển, hoạt động thể thao, nhà hàng; Kinh doanh phòng hát karaoke, massage, vũ trường; Dịch vụ du lịch lữ hành; Dịch vụ bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy; Vận tải hành khách du lịch đường bộ; Bán buôn thực phẩm và đồ dùng cho gia đình; Bán buôn thiết bị điện tử, viễn thông và tin học; Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp và máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác;...

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 207 Võ Thị Sáu, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Chi nhánh Công ty:

Trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này, Công ty có các Chi nhánh trực thuộc như sau:

- ▶ **Khu Du lịch Biển Đông**
Địa chỉ: Số 08 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khách sạn Sammy Đà Lạt**
Địa chỉ: Số 01 Lê Hồng Phong, Phường 4, Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng
- ▶ **Khách sạn Thùy Vân**
Địa chỉ: Số 115 Thùy Vân, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khách sạn Vũng Tàu - Sammy**
Địa chỉ: Số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- ▶ **Khu Du lịch Mũi Nghinh Phong**
Địa chỉ: Số 01 Hạ Long, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2. Công ty con và công ty liên kết

Trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty có các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Tỷ lệ % sở hữu	
	31/12/2013	01/01/2013
Công ty con		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Du Lịch Thùy Vân	50,07%	50,07%
Công ty Cổ phần Du Lịch Nghinh Phong	95,00%	60,00%
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	26,53%	26,53%
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	35,00%	35,00%

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh IV.12 và IV.13.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Tuấn Việt	Chủ tịch	18/05/2012	
Ông Đoàn Minh Cương	Phó Chủ tịch	23/05/2013	
Ông Nguyễn Quốc Trị	Phó Chủ tịch	18/05/2012	23/05/2013
Ông Nguyễn Quốc Trị	Thành viên	23/05/2013	25/10/2013
Ông Nguyễn Niệm	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Quốc Lượng	Thành viên	18/05/2012	
Ông Đỗ Đại Minh	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Hồng Ân	Thành viên	18/05/2012	
Ông Nguyễn Tấn Đạt	Thành viên	18/05/2012	
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên	06/12/2012	23/05/2013
Bà Huỳnh Thị Bảo Trâm	Thành viên	25/10/2013	

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKT") có liên quan do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu CMKT (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn CMKT (Đợt 5).

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là nhật ký chung.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Áp dụng hướng dẫn mới về kế toán

- Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.
- Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/07/2013. Ban Giám đốc Công ty đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hay thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2009/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc và thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, đồ dùng văn phòng	03 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

8. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

10. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

11. Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

12. Đầu tư dài hạn khác và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (bao gồm các khoản tạm ứng vốn cho các công ty con), các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết và các khoản đầu tư tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tiền mặt tại quỹ	854.315.965	1.946.462.930
Tiền gửi ngân hàng	2.989.581.836	4.713.348.765
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>3.843.897.801</u>	<u>6.659.811.695</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	<u>Số lượng cổ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư</u>	<u>Số lượng cổ phần sở hữu</u>	<u>Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí (1)	2.583.900	16.368.660.000	-	-
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu (2)	245.237	2.452.372.777	-	-
Giá gốc của khoản đầu tư		<u>18.821.032.777</u>		<u>-</u>
Dự phòng giảm giá		(18.821.032.777)		-
Giá trị thuần của khoản đầu tư		<u>-</u>		<u>-</u>

- (1) Công ty phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí từ khoản đầu tư vào công ty liên kết thành khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán (xem thuyết minh IV.13).
- (2) Công ty phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu từ khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thành khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán (xem thuyết minh IV.14).

3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải thu các khách hàng từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.364.189.398	18.933.666.862
Cộng	<u>17.364.189.398</u>	<u>18.933.666.862</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Trả trước cho nhà cung cấp về hàng hóa và dịch vụ phục vụ kinh doanh	1.542.028.225	3.894.965.867
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	848.458.551	2.294.551.200
Cộng	<u>2.390.486.776</u>	<u>6.189.517.067</u>

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
Công ty Cổ phần Thăng Long	478.145.506	869.025.506
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu (tiền cổ tức)	944.530.692	1.344.331.130
Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Vân (tiền cổ tức)	138.830.299	74.096.229
Ông Nguyễn Văn Hải (dự án Nghinh Phong)	377.468.290	377.468.290
Phải thu tiền chi hộ kinh phí tổ chức Festival Diều quốc tế tại Vũng Tàu	1.381.686.605	1.381.686.605
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	1.044.820.368	1.272.768.641
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong	5.401.217.889	-
Công ty TNHH Vương miện Đà Lạt	1.543.150.800	420.000.000
Công ty TNHH An Đức	-	340.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	915.769.425	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	150.000.000	-
Các khoản khác	1.341.698.604	1.148.207.221
Cộng	13.717.318.478	7.227.583.622

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khách hàng	11.193.447.720	8.194.678.661
Dự phòng cho các khoản nợ trả trước cho người bán	1.088.033.851	1.052.725.350
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khác	233.588.045	233.588.045
Dự phòng cho các khoản nợ tạm ứng của công nhân viên	65.944.199	65.944.199
Cộng	12.581.013.815	9.546.936.255

7. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	469.543.369	432.545.955
Công cụ, dụng cụ trong kho	318.187.551	222.782.259
Hàng hóa tồn kho	816.266.261	1.019.339.806
Cộng	1.603.997.181	1.674.668.020

8. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.613.991.183	762.768.165
Thuế thu nhập cá nhân	17.699.317	3.495.518
Thuế tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	84
Cộng	1.631.690.500	766.263.767

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	63.450.430
Tạm ứng chi phí công tác cho cán bộ công nhân viên	2.869.910.834	3.183.191.148
Cộng	<u>2.869.910.834</u>	<u>3.246.641.578</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, đồ dùng quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá						
Tại 01/01/2013	93.146.939.510	5.740.041.692	5.987.587.931	714.213.689	3.014.578.031	108.603.360.853
Đầu tư mới	7.372.255.450	179.761.538	52.600.000	-	1.400.197.006	9.004.813.994
Phân loại lại	(326.699.112)	(1.465.298.556)	(26.320.955)	(199.051.679)	(724.793.513)	(2.742.163.815)
Thanh lý	-	(39.403.637)	-	-	(104.476.000)	(143.879.637)
Tại 31/12/2013	<u>100.192.495.848</u>	<u>4.415.101.037</u>	<u>6.013.866.976</u>	<u>515.162.010</u>	<u>3.585.505.524</u>	<u>114.722.131.395</u>
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2013	31.851.298.138	2.865.225.083	2.553.876.200	432.675.053	2.261.883.499	39.964.957.973
Trích khấu hao	4.620.803.757	491.477.793	798.170.696	78.001.846	330.927.639	6.319.381.731
Phân loại lại	(132.120.028)	(1.167.337.628)	(26.211.786)	(201.458.094)	(607.711.070)	(2.134.838.606)
Thanh lý	-	(39.403.637)	-	-	(71.323.214)	(110.726.851)
Tại 31/12/2013	<u>36.339.981.867</u>	<u>2.149.961.611</u>	<u>3.325.835.110</u>	<u>309.218.805</u>	<u>1.913.776.854</u>	<u>44.038.774.247</u>
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2013	61.295.641.372	2.874.816.609	3.433.711.731	281.538.636	752.694.532	68.638.402.880
Tại 31/12/2013	<u>63.852.513.981</u>	<u>2.265.139.426</u>	<u>2.688.031.866</u>	<u>205.943.205</u>	<u>1.671.728.670</u>	<u>70.683.357.148</u>

Một số tài sản cố định của Công ty được dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh IV.17 và thuyết minh IV.25).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Dự án Khu Du lịch Mũi Nghinh Phong	1.986.960.377	270.000.000
Các hạng mục của dự án Khu du lịch tại số 06 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu	1.716.960.377	-
Cải tạo các hạng mục tại Khách sạn Sammy Vũng Tàu	-	369.359.420
Các hạng mục khác	83.245.532	60.349.352
Cộng	<u>2.070.205.909</u>	<u>699.708.772</u>

12. Đầu tư vào công ty con

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (a)	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân (b)	9.800.000.000	9.800.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong (c)	28.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	<u>41.800.000.000</u>	<u>28.800.000.000</u>

Thông tin về các công ty con như sau:

- (a) Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu ("VT Tour") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3501853974 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 6 năm 2011. Vốn điều lệ của VTTour theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 4 tỷ đồng và được sở hữu 100% bởi Công ty.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VT Tour: Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và nước ngoài.

Trụ sở của VT Tour đặt tại số 29 Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- (b) Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân ("Thùy Vân Tourist") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 49003000221 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 21 tháng 02 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 vào ngày 18 tháng 02 năm 2008. Vốn điều lệ của Thùy Vân Tourist theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.380.000.000 đồng, tương đương với 153.800 cổ phần mệnh giá 100.000 đồng. Trong đó, Công ty sở hữu 77.000 cổ phần, chiếm 50,07% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Thùy Vân Tourist: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; Kinh doanh bãi biển; Đi du thuyền; Hoạt động giải trí ca nô trượt nước, ca nô kéo dù; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Mua bán quần áo may sẵn; quần áo thể thao; Đại lý bán vé máy bay; tàu lửa, tàu thủy cho khách du lịch.

Trụ sở của Thùy Vân Tourist đặt tại số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- (c) Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong ("Nghinh Phong Tourist") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3502213663 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 24 tháng 10 năm 2013. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng, tương đương với 3.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng. Trong đó, Công ty góp 2.800.000 cổ phần, chiếm 93,33% vốn điều lệ. Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu, một công ty con của Công ty góp 50.000 cổ phần, chiếm 1,67% vốn điều lệ của công ty này. Theo đó, Công ty sở hữu 95% công ty này.

Ngành nghề kinh doanh của Nghinh Phong Tourist theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, đua thuyền, cửa thuyền bay, bắn cung, leo núi, hoạt động thể thao dưới nước; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Nhà nghỉ có kinh doanh du lịch; Nhà hàng, hàng ăn, quán ăn, hàng ăn uống; Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm;

Trụ sở của Nghinh Phong Tourist đặt tại số 06 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2013			01/01/2013		
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu	Giá trị vốn đầu tư	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) quyền biểu	Giá trị vốn đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí (a)	-	-	-	2.583.900	30,00%	17.537.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông (b)	40.616	26,53%	4.061.600.000	301.122	26,53%	3.011.220.493
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (c)	113.000	35,00%	1.130.000.000	10.800	35,00%	1.080.000.000
Cộng			5.191.600.000			21.629.070.493

Thông tin chính về các công ty liên kết, liên doanh như sau:

- (a) Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu Giải trí là được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491032000052 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 09/03/1998 và các các Giấy Chứng nhận đầu tư chứng nhận thay đổi sau đó. Lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đầu tư số 3500371230 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 3 vào ngày 09/11/2011. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đầu tư chứng nhận thay đổi lần thứ 3 là 4.950.000 Đô la Mỹ tương đương 86.130.000.000 đồng, với 8.613.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng. Trong đó, Công ty chiếm 30% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty này là xây dựng và điều hành trung tâm dịch vụ thể thao giải trí và các dịch vụ kèm theo. Dự án đầu tư của công ty này là Xây dựng và điều hành trung tâm dịch vụ thể thao giải trí tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bao gồm: Trung tâm huấn luyện chó đua (tại Phường Long Toàn, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) và nâng cấp sân vận động Lam Sơn tại Thành phố Vũng Tàu phục vụ thi đấu giải trí cho đua (tại số 15 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Thời gian hoạt động của dự án là 25 năm tính từ ngày 09/03/1998.

Trụ sở của công ty này đặt tại 15 Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty đang tiến hành các thủ tục để chuyển nhượng 28% vốn sở hữu tại công ty liên kết này, tương ứng 2.411.640 cổ phần và giá trị vốn đầu tư 16.368.660.000 VND. Theo đó, phần vốn đầu tư sẽ chuyển nhượng được phân loại thành đầu tư ngắn hạn. Phần vốn đầu tư còn lại tại công ty này (tương ứng 172.260 cổ phần và giá trị vốn đầu tư 1.169.190.000 VND) được phân loại thành đầu tư tài chính dài hạn khác (thuyết minh IV.14).

- (b) Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh số 4903000292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 05/10/2006 và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3500770108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 24/09/2009. Vốn điều lệ của công ty này theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2 là 49.000.000.000 đồng, tương đương với 490.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng. Trong đó, Công ty đăng ký mua 130.000 cổ phần, chiếm 26,5% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh hoạt động câu lạc bộ giải trí.

Trụ sở của công ty này đặt tại số 115 Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- (c) Công ty Cổ phần Giải trí, Thể thao Minh Đạm được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501454916 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu vào ngày 28/08/2009. Vốn điều lệ của công ty này là 20.000.000.000 đồng, với 2.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng. Trong đó, Công ty đăng ký mua 700.000 cổ phần, chiếm 35% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, biệt thự, căn hộ du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch.

Trụ sở của công ty này đặt tại số 207 Võ Thị Sáu, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

14. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị vốn đầu tư	Số lượng cổ phần sở hữu	Giá trị vốn đầu tư
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Bình Châu	2.860.279	28.602.790.000	2.860.279	28.602.790.000
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu (1)	-	-	245.237	2.452.372.777
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	27.340	2.734.000.000	27.340	2.734.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái biển Bình Châu	9.945	994.525.416	9.945	994.525.416
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh thái Long Hải	34.687	3.468.701.654	34.687	3.468.701.654
Công ty CP San hô xanh Côn Đảo	8.000	800.000.000	8.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Lạc Việt	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu Sài Gòn (2)	80.000	8.000.000.000	82.500	8.250.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí (3)	172.260	1.169.190.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch An Hoa	50.000	500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Kỳ Vân (2)		-	270.000	3.272.823.529
Công ty TNHH Nam Biển Đông		3.326.935.087		3.326.935.087
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công (4)		800.000.000		800.000.000
Công ty TNHH Hoàng Trung (2) (4)		-		1.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng		-		3.000.000.000
Cộng		63.396.142.157		71.702.148.463

Các khoản đầu tư tài chính trên đây được Công ty thực hiện với tư cách là cổ đông sáng lập hoặc là thành viên tham gia góp vốn thành lập các công ty trên.

- (1) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty đang tiến hành các thủ tục chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu. Theo đó, phần vốn đầu tư vào công ty này được phân loại thành đầu tư ngắn hạn, nắm giữ sẵn sàng để bán.
- (2) Vốn đầu tư vào các công ty này tại thời điểm cuối năm giảm so với thời điểm đầu năm là do chuyển nhượng.
- (3) Khoản đầu tư này được phân loại từ khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (thuyết minh IV.13).
- (4) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hoàng Trung và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật điện Thành Công được hưởng lãi cố định với tỷ lệ 24%/năm tính trên vốn đầu tư và không phụ thuộc và vào kết quả kinh doanh hàng năm của hai công ty này. Công ty không tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của hai công ty này.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con	736.926.889	-
Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	17.537.850.000
Dự phòng cho các khoản đầu tư tài dài hạn khác	3.029.631.050	5.110.260.455
Cộng	3.766.557.939	22.648.110.455

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Lợi thế thương mại phát sinh từ chuyển nhượng Khách sạn Sammy Vũng Tàu	7.767.594.459	9.960.797.595
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	3.123.173.547	4.075.216.370
Chi phí sửa chữa	4.938.066.664	3.319.772.722
Chi phí thuê mặt bằng, chi phí phục vụ cho kinh doanh của Khu du lịch Nghinh Phong	-	5.618.232.009
Chi phí khác	2.283.265.567	3.510.834.874
Cộng	<u>18.112.100.237</u>	<u>26.484.853.571</u>

17. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<u>Tại ngày 01/01/2012</u>	<u>Số tiền vay trong năm/Nợ đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Tại ngày 31/12/2012</u>
Vay ngắn hạn	110.000.000	8.292.414.065	4.831.688.902	3.570.725.163
Vietinbank (a)	-	8.292.414.065	4.721.688.902	3.570.725.163
Viecombank (b)	110.000.000	-	110.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.224.000.000	-	1.224.000.000
Vietinbank (thuyết minh IV.24)	-	1.224.000.000	-	1.224.000.000
	<u>110.000.000</u>	<u>9.516.414.065</u>	<u>4.831.688.902</u>	<u>4.794.725.163</u>

Thông tin chính về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

(a) Vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vietinbank) bằng tiền Đồng Việt Nam để bổ sung vốn kinh doanh, bao gồm:

- Vay để mua sắm đồ dùng dụng cụ trị số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 17/01/2013. Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 12,5% và tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 10,5%/năm.
- Vay theo hạng mức tín dụng duy trì thời hạn 12 tháng với số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 9,5%/năm.

Tài sản thế chấp của các khoản vay là công trình Khách sạn Sammy Vũng Tàu tại số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(b) Vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (Vietcombank) bằng tiền Đồng Việt Nam để mua xe ô tô. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 09/03/2012 đến 08/03/2013. Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 15,7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

18. Phải trả cho người bán

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	2.700.498.944	7.787.174.784
Phải cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	75.273.350	96.733.350
Cộng	<u>2.775.772.294</u>	<u>7.883.908.134</u>

19. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Khách hàng trả tiền mua hàng hóa và dịch vụ	266.412.415	1.685.645.464
Cộng	<u>266.412.415</u>	<u>1.685.645.464</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Thuế giá trị gia tăng	445.423.807	819.351.270
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.354.171	5.836.559
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.834.131.664	2.720.464.503
Cộng	<u>5.287.909.642</u>	<u>3.545.652.332</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.17 và thuyết minh V.9.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Việc xác định thuế phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế.

21. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Chi phí thuê khách sạn Thùy Vân	240.654.000	200.000.000
Các khoản chi phí phải trả khác cho hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ	178.623.455	198.659.973
Cộng	<u>419.277.455</u>	<u>398.659.973</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Cổ tức phải trả	11.681.897.784	7.592.200.534
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân	-	3.815.162.189
Các khoản khác	578.661.771	1.180.538.734
Cộng	<u>12.260.559.555</u>	<u>12.587.901.457</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
Số dư tại 01/01	915.415.377	(5.383.172)
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.306.110.056	1.129.578.549
Chi trong năm	(498.285.714)	(208.780.000)
Số dư tại 31/12	<u>1.723.239.719</u>	<u>915.415.377</u>

24. Phải trả dài hạn khác

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Nhận ký quỹ, ký cược của khách hàng	4.718.510.850	5.005.211.597
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân	4.243.510.847	-
Các khoản nợ dài hạn khác	6.336.975.455	8.903.435.483
Cộng	<u>15.298.997.152</u>	<u>13.908.647.080</u>

(*) Do không xác định thời hạn hoàn trả nên khoản nợ này được phân loại từ nợ ngắn hạn thành nợ dài hạn (thuyết minh IV.22).

25. Vay và nợ dài hạn

Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Vietinbank (a)</u>	<u>Vietcombank (b)</u>	<u>Cộng</u>
Tại ngày 01/01/2013	-	14.052.342.613	14.052.342.613
Số tiền vay trong năm	5.808.833.083	-	5.808.833.083
Số tiền vay đã trả trong năm	611.728.057	-	611.728.057
Kết chuyển sang nợ đến hạn trả	1.224.000.000	-	1.224.000.000
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.973.105.026</u>	<u>14.052.342.613</u>	<u>18.025.447.639</u>

Thông tin chính về các khoản vay dài hạn như sau:

(a) Vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vietinbank) bằng Đồng Việt Nam để đầu tư nâng cấp Khách sạn Sammy Vũng Tàu đạt tiêu chuẩn 4 sao. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, thời gian ân hạn 3 tháng, thời hạn trả nợ là 57 tháng và kỳ hạn trả nợ 3 tháng/kỳ. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm vay và được điều chỉnh mỗi tháng 01 lần. Lãi suất vay bằng tổng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 5%/năm. Lãi suất cơ sở được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả lãi sau do Vietinbank công bố cộng (+) chi phí huy động vốn tăng thêm (chỉ áp dụng trong trường hợp có biến động thị trường tiền tệ).

Tài sản thế chấp của các khoản vay là công trình Khách sạn Sammy Vũng Tàu tại số 157 Thùy Vân, Phường Thắng Tam, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(b) Khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (Vietcombank) phát sinh và được khoan nợ (bao gồm nợ gốc và lãi) từ trước khi chuyển đổi Công ty thành công ty cổ phần.

26. Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại 01/01/2012	186.445.000.000	6.968.115.769	1.067.239.124	(16.660.228.134)	177.820.126.759
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	-	-	2.353.590.287	2.353.590.287
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết ĐHCĐ	-	960.828.549	320.276.183	(2.410.683.281)	(1.129.578.549)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.728.900.000)	(3.728.900.000)
Tại 31/12/2012	<u>186.445.000.000</u>	<u>7.928.944.318</u>	<u>1.387.515.307</u>	<u>(20.446.221.128)</u>	<u>175.315.238.497</u>
Tại 01/01/2013	186.445.000.000	7.928.944.318	1.387.515.307	(20.446.221.128)	175.315.238.497
Lợi nhuận sau thuế năm 2013	-	-	-	(1.851.316.373)	(1.851.316.373)
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết ĐHCĐ	-	1.537.480.075	384.370.019	(3.227.960.150)	(1.306.110.056)
Chia cổ tức	-	-	-	(4.661.125.000)	(4.661.125.000)
Tại 31/12/2013	<u>186.445.000.000</u>	<u>9.466.424.393</u>	<u>1.771.885.326</u>	<u>(30.186.622.651)</u>	<u>167.496.687.068</u>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2013</u>		<u>01/01/2013</u>	
	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Cổ đồng				
Nhà nước	109.784.000.000	58,88	109.784.000.000	58,88
Các cổ đồng khác	76.661.000.000	41,12	76.661.000.000	41,12
Cộng	<u>186.445.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>186.445.000.000</u>	<u>100,00</u>

Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.644.500	18.644.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.644.500	18.644.500
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 5 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 2%/cổ phần, tương đương số tiền 3.728.900.000 đồng.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 5 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 2,5%/cổ phần, tương đương số tiền 4.661.125.000 đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2012 và tại ngày 31/12/2012 tại biểu Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu trình bày trên đây đã được điều chỉnh hồi tố các sai sót của các năm trước (xem thuyết minh VI.5). Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Bảng cân đối kế toán bao gồm cổ tức đã phân phối cho cổ đông và trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng phúc lợi theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013	Năm 2012
Tổng doanh thu	90.923.272.759	139.383.514.834
Các khoản giảm trừ	43.321.680	300.433.093
Giảm giá hàng bán	-	221.300.226
Thuế tiêu thụ đặc biệt	43.321.680	79.132.867
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.879.951.079	139.083.081.741
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	5.667.872.079	26.411.154.922
Doanh thu cung cấp dịch vụ	85.212.079.000	112.671.926.819
Cộng	90.879.951.079	139.083.081.741

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
Giá vốn của hàng hóa	3.746.505.979	25.380.278.780
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	42.639.194.054	56.792.542.855
Cộng	46.385.700.033	82.172.821.635

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	317.296.739	1.012.855.991
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.740.429.867	5.585.013.723
Lãi chênh lệch tỷ giá	773.641	53.480.158
Lãi chuyển nhượng cổ phần	627.176.471	-
Doanh thu tài chính khác	-	19.791.667
Cộng	5.685.676.718	6.671.141.539

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí lãi vay	908.920.190	686.930.893
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.063.201	13.490.267
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(60.519.739)	(445.135.635)
Cộng	850.463.652	255.285.525

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí nhân viên bán hàng	11.181.168.642	12.902.550.910
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.772.990.716	2.542.885.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.824.858.646	1.884.682.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.959.554.617	5.387.234.489
Chi phí khác	1.384.978.409	3.113.981.936
Cộng	20.123.551.030	25.831.335.490

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
Chi phí cho nhân viên	14.522.380.453	14.036.925.022
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	462.497.054	609.490.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.899.419.830	1.927.572.913
Chi phí dự phòng	3.034.077.560	6.937.428.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.760.000.504	4.351.004.627
Chi phí khác	8.581.614.079	8.020.945.292
Cộng	34.259.989.480	35.883.366.060

7. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
Thu thanh lý tài sản cố định	116.610.512	1.270.281.818
Thu thanh lý đồ dùng, dụng cụ	-	1.030.909.091
Thu từ chuyển giao tài sản tại dự án Khu du lịch Nghinh Phong	3.662.235.655	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	1.050.379.507	-
Tài sản được biếu tặng, khuyến mãi	567.946.001	-
Các khoản thu nhập khác	2.706.291.116	210.128.050
Cộng	8.103.462.791	2.511.318.959

8. Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
Giá trị còn lại của tài sản cố định	33.152.786	846.974.257
Chi phí chuyển giao tài sản tại dự án Khu du lịch Nghinh Phong	3.662.235.655	-
Giá trị còn lại của đồ dùng, dụng cụ thanh lý	-	518.017.301
Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi	694.749.051	-
Thuế nhập khẩu các năm trước bị truy thu	353.950.067	-
Các khoản chi phí khác	156.615.207	308.518.151
Cộng	4.900.702.766	1.673.509.709

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh với thời hạn 10 năm kể từ năm 2007 và thuế suất 25% đối với các khoản thu nhập khác chịu thuế. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.851.316.373)	2.449.223.820
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	3.873.700.554	3.531.459.669
Các khoản chi phí không được trừ	3.873.700.554	3.531.459.669
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.345.876.495)	(5.598.149.358)
Thu nhập không chịu thuế	(4.548.429.867)	(5.153.013.723)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(797.446.628)	(445.135.635)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.323.492.314)	382.534.131
Trong đó		
+ Thu nhập chịu thuế của hoạt động được ưu đãi	-	-
+ Thu nhập chịu thuế của hoạt động không được ưu đãi	-	382.534.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất 25%	-	95.633.533
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	95.633.533

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.851.316.373)	2.353.590.287
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.851.316.373)	2.353.590.287
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.644.500	18.644.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(99,30)	126,24

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.644.500	18.644.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.644.500	18.644.500

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân	Công ty con
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Thể thao Thi đấu giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	Công ty liên kết

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2013	Năm 2012
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu		
Cung cấp dịch vụ	-	83.934.950
Thu tiền cung cấp dịch vụ	-	183.934.950
Mua dịch vụ	1.253.630.000	1.393.880.000
Trả tiền mua dịch vụ	1.300.515.000	947.480.000
Chi hộ, ứng vốn	620.000.000	1.316.369.700
Lãi ứng vốn	18.000.000	25.000.000
Thu nợ gốc và lãi	-	525.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thùy Vân		
Mượn tiền	428.348.658	908.928.427
Cổ tức	460.748.375	449.012.593
Tiền thuê tài sản hoạt động phải trả	2.682.017.250	2.670.490.150
Trả tiền thuê tài sản hoạt động	2.637.297.850	2.625.844.650
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong		
Góp vốn điều lệ	13.000.000.000	15.000.000.000
Tạm ứng vốn	2.900.000.000	-
Chuyển nhượng tài sản tại Khu du lịch Nghinh Phong	4.062.314.785	-
Lãi ứng vốn phải thu	105.445.433	-
Các khoản chi hộ	26.155.083	-
Thu hồi tạm ứng vốn	727.680.100	-
Thu tiền chuyển nhượng tài sản và tiền chi hộ	965.027.812	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông		
Góp vốn điều lệ	1.050.379.507	-
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm		
Góp vốn điều lệ	50.000.000	30.000.000
Cung cấp dịch vụ	41.332.600	42.772.490

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2013	Năm 2012
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	270.000.000	194.400.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương và thưởng theo quy chế	1.024.000.000	1.166.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2013	01/01/2013
Công nợ phải thu		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu (thuyết minh IV.5)	1.044.820.368	1.272.768.641
Công ty Cổ phần Du lịch Nghinh Phong	5.401.217.889	-
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm (tiền cung cấp dịch vụ - bao gồm trong thuyết minh IV.3)	94.932.930	53.600.330
Cộng	6.540.971.187	1.326.368.971
Công nợ phải trả		
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu - Tiền mua dịch vụ (bao gồm trong thuyết minh IV.18)	80.315.000	446.400.000
Công ty TNHH Lữ hành Vũng Tàu - Nhận trước tiền bán dịch vụ (bao gồm trong thuyết minh IV.19)	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Vân - Tiền thuê tài sản hoạt động (thuyết minh IV.21)	240.654.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thủy Vân - Tiền mượn (thuyết minh IV.22 và thuyết minh IV.24)	4.243.510.847	3.815.162.189
Cộng	4.484.164.847	4.015.162.189

2. Các cam kết

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết góp vốn đầu tư như sau:

Tên đơn vị nhận vốn đầu tư	Vốn điều lệ của đơn vị nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		
		Số tiền	%	Cam kết góp vốn tại 31/12/2013
Công ty Cổ phần Giải trí Thể thao Minh Đạm	20.000.000.000	7.000.000.000	35,00	5.870.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khách sạn Biển Đông	49.000.000.000	13.000.000.000	26,53	8.938.400.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh Thái Long Hải	30.000.000.000	3.500.000.000	11,67	31.298.346
Công ty Cổ phần Du lịch Sinh Thái Biển Bình Châu	12.000.000.000	1.200.000.000	10,00	205.474.584
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Vũng Tàu - Sài Gòn	120.000.000.000	12.000.000.000	10,00	3.750.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	100.000.000.000	10.000.000.000	10,00	7.266.000.000
Công ty TNHH Du lịch Nam Biển Đông	25.000.000.000	3.572.350.000	14,29	245.414.913
Cộng	356.000.000.000	50.272.350.000		26.306.587.843

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác hàng, các khoản phải thu khác (bao gồm các khoản tạm ứng vốn cho các công ty con), các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính khác, các khoản vay ngân hàng, nợ phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tình thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản ứng vốn cho các công ty con.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ứng vốn cho các công ty con

Công ty có cho các công ty con ứng vốn. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản ứng vốn này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Các khoản vay và nợ	110.000.000	14.052.342.613	-	14.162.342.613
Phải trả người bán	7.883.908.134	-	-	7.883.908.134
Chi phí phải trả	398.659.973	-	-	398.659.973
Các khoản phải trả khác	12.587.901.457	13.908.647.080	-	26.496.548.537
	20.980.469.564	27.960.989.693	-	48.941.459.257
Tại ngày 31/12/2013				
Các khoản vay và nợ	4.794.725.163	18.025.447.639	-	22.820.172.802
Phải trả người bán	2.775.772.294	-	-	2.775.772.294
Chi phí phải trả	419.277.455	-	-	419.277.455
Các khoản phải trả khác	12.260.559.555	15.298.997.152	-	27.559.556.707
	20.250.334.467	33.324.444.791	-	53.574.779.258

Ban Giám đốc cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ của Công ty ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2013		01/01/2013		31/12/2013	01/01/2013
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.843.898	-	6.659.812	-	3.843.898	6.659.812
Phải thu khách hàng	17.364.189	(11.193.448)	18.933.667	(8.194.679)	6.170.742	10.738.988
Phải thu khác	13.717.318	(233.588)	7.227.584	(233.588)	13.483.730	6.993.996
Tài sản tài chính ngắn hạn	18.821.033	(18.821.033)	-	-	18.821.033	-
Tài sản tài chính dài hạn	63.396.142	(3.029.631)	71.702.148	(5.110.260)	63.396.142	66.591.888
Cộng	117.142.581	(33.277.700)	104.523.211	(13.538.527)	105.715.545	90.984.683

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Các khoản vay và nợ	22.820.172.802	14.162.342.613	22.820.172.802	14.162.342.613
Phải trả người bán	2.775.772.294	7.883.908.134	2.775.772.294	7.883.908.134
Chi phí phải trả	419.277.455	398.659.973	419.277.455	398.659.973
Các khoản phải trả khác	30.286.007.194	26.496.548.537	30.286.007.194	26.496.548.537
Cộng	56.301.229.745	48.941.459.257	56.301.229.745	48.941.459.257

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản tạm ứng vốn cho công ty con, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng và đối tượng phải thu. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá mua.
- Các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

5. Điều chỉnh sai sót và trình bày lại số liệu so sánh

Báo cáo tài chính của các năm trước có những sai sót như sau:

- (1) Chưa trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác;
- (2) Chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Trên cơ sở báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư và danh sách các khoản nợ khó đòi, Ban Giám đốc ước tính số cần phải dự phòng bổ sung và thực hiện điều chỉnh hồi tố các sai sót trên đây như sau:

	Lũy kế tại 01/01/2011	Năm 2011	Năm 2012	Lũy kế tại 31/12/2012
Trích dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	21.769.690.402	1.323.555.688	(445.135.635)	22.648.110.455
Trích dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	6.711.107.071	6.711.107.071

Việc điều chỉnh hồi tố các sai sót trên đây ảnh hưởng trực tiếp của đến các chỉ tiêu trình bày trên các báo cáo tài chính đã công bố của các năm trước như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011

Chi tiêu	Mã số	Số liệu tại 01/01/2011 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu tại 01/01/2011 đã được điều chỉnh
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	122.736.494.083	(21.769.690.402)	100.966.803.681
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	(21.769.690.402)	(21.769.690.402)
Tổng tài sản	270	273.053.027.670	(21.769.690.402)	251.283.337.268
Vốn chủ sở hữu	410	198.551.016.116	(21.769.690.402)	176.781.325.714
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	4.305.823.326	(21.769.690.402)	(17.463.867.076)
Tổng nguồn vốn		273.053.027.670	(21.769.690.402)	251.283.337.268
Chi tiêu	Mã số	Số liệu tại 31/12/2011 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu tại 31/12/2011 đã được điều chỉnh
Tài sản dài hạn	200	219.233.476.481	(23.093.246.090)	196.140.230.391
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	123.101.218.956	(23.093.246.090)	100.007.972.866
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	(23.093.246.090)	(23.093.246.090)
Tổng tài sản	270	273.032.694.718	(23.093.246.090)	249.939.448.628
Vốn chủ sở hữu	410	200.913.372.849	(23.093.246.090)	177.820.126.759
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6.433.017.956	(23.093.246.090)	(16.660.228.134)
Tổng nguồn vốn		273.032.694.718	(23.093.246.090)	249.939.448.628

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012

Chi tiêu	Mã số	Số liệu tại 31/12/2012 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu tại 31/12/2012 đã được điều chỉnh
Tài sản ngắn hạn	100	41.246.408.765	(6.095.192.409)	35.151.216.356
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(2.835.829.184)	(6.711.107.071)	(9.546.936.255)
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	150.349.105	615.914.662	766.263.767
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	122.131.218.956	(22.648.110.455)	99.483.108.501
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	(22.648.110.455)	(22.648.110.455)
Tổng tài sản	270	259.200.592.944	(28.743.302.864)	230.457.290.080
Nợ phải trả	300	55.458.298.269	(316.246.686)	55.142.051.583
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.861.899.018	(316.246.686)	3.545.652.332
Vốn chủ sở hữu	410	203.742.294.675	(28.427.056.178)	175.315.238.497
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	7.980.835.050	(28.427.056.178)	(20.446.221.128)
Tổng nguồn vốn		259.200.592.944	(28.743.302.864)	230.457.290.080

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

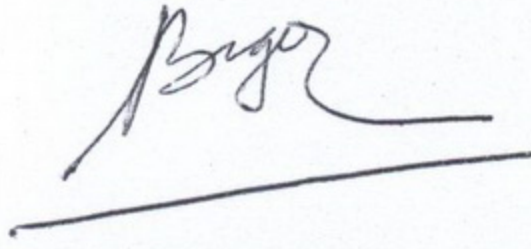
Chi tiêu	Mã số	Số liệu năm 2011 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu năm 2011 đã được điều chỉnh
Chi phí tài chính	22	3.206.915.185	1.323.555.688	4.530.470.873
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	7.034.202.655	(1.323.555.688)	5.710.646.967
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.505.399.260	(1.323.555.688)	6.181.843.572
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6.405.523.662	(1.323.555.688)	5.081.967.974
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	344	(71)	273

Chi tiêu	Mã số	Số liệu năm 2012 đã công bố	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu năm 2012 đã được điều chỉnh
Chi phí tài chính	22	700.421.160	(445.135.635)	255.285.525
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	29.172.258.989	6.711.107.071	35.883.366.060
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	7.877.386.006	(6.265.971.436)	1.611.414.570
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.715.195.256	(6.265.971.436)	2.449.223.820
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.027.794.881	(932.161.348)	95.633.533
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.687.400.375	(5.333.810.088)	2.353.590.287
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	357	(281)	126

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

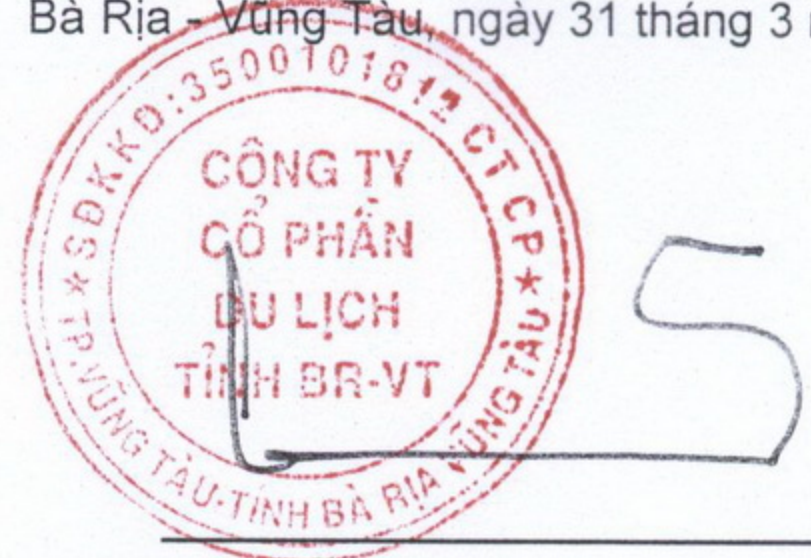
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thị Bảo Ngọc
Người lập



Nguyễn Tấn Đạt
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Việt
Tổng Giám đốc